TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/DS-ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2025
Tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hường, bà Nguyễn Thị Thu Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến thương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2025/TLST–DS ngày 25/6/2025 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-DS ngày 01/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 160/2025/QĐST-DS ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng H;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng D, Tòa nhà N, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Số A đường H, phường L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng N - Giám đốc Ngân hàng H Chi nhánh A (theo Quyết định số 610/2022/QĐ-NHHT ngày 25/11/2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng H, về việc ủy quyền tham gia tố tụng);

Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Hoàng M – Cán bộ tín dụng Ngân hàng H Chi nhánh A (theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CNAG ngày 31/03/2025 của Giám đốc Ngân hàng H Chi nhánh A). (có đơn xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1958

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1961

Cùng cư trú tại: Số B Đ, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/11/2015, bị đơn ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Mỹ D có lập và ký tên trên Đơn xin vay và cam kết trả nợ gửi đến nguyên đơn Ngân hàng H Chi nhánh A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Ngày 03/12/2015, ông Võ Thanh P và Ngân hàng H Chi nhánh A ký kết Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số TD32900018 căn cứ theo Đơn xin vay và cam kết trả nợ của ông P, với nội dung HĐCV như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn vay: 34 tháng (từ 03/12/2015 đến ngày 03/10/2018); mức lãi suất cho vay: 12%/năm; Số tiền cho vay được trả nợ thành 34 kỳ hạn. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng. Số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 5.900.000 đồng, số tiền gốc kỳ hạn cuối cùng là 5.300.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, ông P đã thanh toán nợ vay hàng kỳ đúng theo hợp đồng cho vay. Nhưng đến tháng 01/2017, ông P không thực hiện thanh toán đúng kỳ hạn. Khoản vay của ông P đã chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 24/03/2017 và áp dụng lãi suất quá hạn 16,56%/năm. Sau nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, đến nay ông P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như đã cam kết.

Tính đến ngày 16/6/2025, ông P đã trả gốc được 70.426.600 đồng, còn nợ gốc phải trả là 129.573.400 đồng và tiền lãi phải trả là 180.156.640 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Võ Thanh P không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo quy định, ông P đã vi phạm các cam kết, thỏa thuận trong hồ sơ vay vốn.

Nay Ngân hàng H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Võ Thanh P và bà Nguyễn Thị Mỹ D - là người có trách nhiệm liên đới, phải thực hiện ngay nghĩa vụ trả nợ với tổng số tiền nợ vay phải trả là 309.730.040 đồng (Ba trăm lẻ chín triệu, bảy trăm ba mươi ngàn, không trăm bốn mươi đồng), (trong đó tiền gốc là: 129.573.400 đồng; tiền lãi là: 180.156.640 đồng) và tiền lãi phát sinh thực tế theo mức lãi suất Ngân hàng quy định cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng H.

Tính đến ngày 10/9/2025, nguyên đơn Ngân hàng H yêu cầu bị đơn ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải trả cho ngân hàng tổng gốc và lãi là 314.785.745 đồng, trong đó nợ gốc là 129.573.400 đồng, lãi trong hạn là 26.095.673 đồng, lãi quá hạn là 159.116.672 đồng kèm theo Bảng kê lãi ngày 10/9/2025.

Bị đơn ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt trong quá trình tố tụng, không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Hoàng M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H, buộc ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền vốn và lãi phát sinh theo các hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Ngân hàng H đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Theo Phiếu xác minh ngày 22/7/2025 do Công an phường L cung cấp thì ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D có đăng ký cư trú tại Số B Đ, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 24/11/2015, ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D có có lập và ký tên trên Đơn xin vay và cam kết trả nợ gửi đến nguyên đơn Ngân hàng H Chi nhánh A. Ngày 03/12/2015, Ngân hàng và ông Võ Thanh P tiến hành ký kết Hợp đồng tín dụng số TD32900018 căn cứ theo Đơn xin vay và cam kết trả nợ của ông P, với nội dung HĐCV như sau: Số tiền vay: 200.000.000 đồng; mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ nhu cầu đời sống; thời hạn vay: 34 tháng (từ 03/12/2015 đến ngày 03/10/2018); mức lãi suất cho vay: 12%/năm ;Số tiền cho vay được trả nợ thành 34 kỳ hạn. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng. Số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 5.900.000 đồng, số tiền gốc kỳ hạn cuối cùng là 5.300.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P trả vốn, lãi đến tháng 01/2017 thì ngưng và khoản vay nêu trên đã quá hạn thanh toán từ 24/03/2017 và áp dụng lãi suất quá hạn 16,56%/năm. Ngân hàng ban hành thông báo nhắc nợ nhưng phía ông P, bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản của Ngân hàng.

Về trách nhiệm liên đới, căn cứ Đơn xin vay và cam kết trả nợ lập ngày 24/11/2015 (búc lụt 35) thể hiện bà Nguyễn Thị Mỹ D (vợ ông P) thống nhất cam kết trả nợ cho Ngân hàng; đồng thời do ông P và bà D có quan hệ vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau, Ngân hàng yêu cầu buộc trách nhiệm liên đới là có căn cứ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc ông P, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trả vốn, lãi tính đến hết ngày 10/9/2025 là 314.785.745 đồng, trong đó nợ gốc là 129.573.400 đồng, lãi trong hạn là 26.095.673 đồng, lãi quá hạn là 159.116.672 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với, việc Ngân hàng yêu cầu ông P, bà D tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

[2.3] Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông P, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ngân hàng H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 68, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H.

Buộc bị đơn ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng H số tiền vay, lãi tính đến hết ngày 10/9/2025 là 314.785.745 đồng (ba trăm mười bốn triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc là 129.573.400 đồng, lãi trong hạn là 26.095.673 đồng, lãi quá hạn là 159.116.672 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 10/9/2025, ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TD32900018 ngày 03/12/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn ông Võ Thanh P, bà Nguyễn Thị Mỹ D phải có nghĩa vụ liên đới nộp 15.739.000đ (mười lăm triệu, bảy trăm ba mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng H số tiền 7.743.000đ (bảy triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003133 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Ngân hàng H chi nhánh A được đại diện nhận.

[3] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - AG;
- THADS tỉnh AG;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Kiên